

Phụ lục III

DIỆN TÍCH CẦN THU HỒI ĐẤT

Đơn vị tính: ha

[illegible]

TT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Tổng diện tích	Phân theo đơn vị hành chính												
				Thị trấn Trần Văn Thời	Thị trấn Sông Đốc	Xã Khánh Bình Tây Bắc	Xã Khánh Bình Tây	Xã Trần Hợi	Xã Khánh Lộc	Xã Khánh Bình	Xã Khánh Hưng	Xã Khánh Bình Đông	Xã Khánh Hải	Xã Lợi An	Xã Phong Điền	Xã Phong Lạc
(1)	(2)	(3)	(4)=(5)+ (6)+...	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)
1.7	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS	545,63	20,70	234,14	-	7,70	2,35	1,04	0,94	1,54	1,70	6,87	48,89	219,48	0,30
1.8	Đất chăn nuôi tập trung	CNT	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
1.9	Đất làm muối	LMU	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
1.10	Đất nông nghiệp khác	NKH	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
2	Nhóm đất phi nông nghiệp	PNN	54,31	3,71	24,16	0,91	0,82	0,96	0,13	1,59	-	0,29	10,04	-	10,60	1,10
2.1	Đất ở tại nông thôn	ONT	6,23	-	-	0,40	0,40	-	-	-	-	-	1,63	-	3,40	0,40
2.2	Đất ở tại đô thị	ODT	7,22	1,66	5,56	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
2.3	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	TSC	1,35	1,01	-	0,11	-	0,05	0,03	-	-	-	0,15	-	-	-
2.4	Đất quốc phòng	CQP	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
2.5	Đất an ninh	CAN	1,65	-	1,65	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
2.6	Đất xây dựng công trình sự nghiệp	DSN	2,71	0,04	-	-	0,02	0,78	0,10	1,53	-	0,19	-	-	0,05	-
2.6.1	Đất xây dựng cơ sở văn hóa	DVH	0,54	0,04	-	-	-	-	0,10	0,40	-	-	-	-	-	-
2.6.2	Đất xây dựng cơ sở xã hội	DXH	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
2.6.3	Đất xây dựng cơ	DYT	0,06	-	-	-	-	0,01	-	-	-	0,05	-	-	-	-

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]